

QUYẾT ĐỊNH
về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2022
của Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư 1539/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/06/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về công khai dự toán và quyết toán ngân sách và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Thông báo số 275/TB-KTNN ngày 10/7/2023 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi (đơn vị sử dụng ngân sách) và Biên bản ngày 08/9/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy xét duyệt quyết toán năm 2022 của đơn vị sử dụng ngân sách – Văn phòng Tỉnh ủy;
- Xét đề xuất của Phòng Tài chính Đảng (đơn vị sử dụng ngân sách) - Văn phòng Tỉnh ủy,

CHÁNH VĂN PHÒNG TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách)

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị dự toán cấp 1),
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh,
- Cổng thông tin điện tử tỉnh,
- Phòng Tài chính Đảng (02 bản),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Trần Đại thắng

Đơn vị: Văn phòng Tỉnh ủy
Chương 509

(Biểu số 2 Ban hành kèm theo
Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày
21/6/2019 của Văn phòng Trung
ương Đảng)

QUYẾT TOÁN THU - CHI NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 333-QĐ/VPTU ngày 27/10/2023
của Văn phòng Tỉnh ủy)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập quỹ
I	Tổng số thu tại đơn vị	83.663	83.663	26.923	10.720	
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động	94	94			
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp					
3	Thu khác	1.079	1.079			
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán	82.297	82.297			
4.1	Kinh phí tự chủ	33.511	33.511	26.923		
4.2	Kinh phí không tự chủ	48.786	48.786		10.720	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	193	193			
5.1	Kinh phí tự chủ	30	30			
5.2	Kinh phí không tự chủ	163	163			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	80.821	80.821	27.593	8.360	289
1.	Chi quản lý hành chính	73.142	73.142	26.923	8.360	289
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	32.620	32.620	26.923		289
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	40.522	40.522		8.360	
2	Chi sự nghiệp y tế	6.524	6.524	670	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	818	818	670		
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.706	5.706			
3	Chi nguồn hoạt động khác được để lại	1.155	1.155	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	73	73			
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.082	1.082			